

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 133/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 8 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

2. Ông Hoàng Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 501/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022; giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hải T – Sinh năm: 1966 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân số B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị P – Sinh năm: 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân số B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Hải T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hải T và bà Lê Thị P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B vào ngày 13 tháng 4 năm 1994. Quá trình chung sống, vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp

thường xuyên cãi nhau, bà P đi sống cùng con cháu ở thành phố H không chịu về nhà và cũng không nói khi nào về. Nay ông Nguyễn Hải T xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà P nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Ông Nguyễn Hải T và bà Lê Thị P có 02 con chung là Nguyễn Hải H sinh ngày 04/9/1994, Nguyễn Lê Anh T sinh ngày 05/3/2003. Hiện nay các cháu đã đủ 18 tuổi, các cháu muốn ở với bố hoặc mẹ là quyền của các cháu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Hải T xác định ông T, bà P không có nợ ai và cũng không ai nợ ông T, bà P.

*** Bị đơn Bà Lê Thị P khai:**

Bà và ông Nguyễn Hải T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B vào ngày 13 tháng 4 năm 1994. Cuộc sống vợ chồng không đầm ấm có nhiều mâu thuẫn, trong khoảng thời gian bà P xa nhà, đi trông cháu chưa về. Ở nhà ông T đã có người phụ nữ khác. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Lê Thị P và ông T có 02 con chung là Nguyễn Hải H à sinh ngày 04/9/1994, Nguyễn Lê Anh T sinh ngày 05/3/2003. Hiện nay các cháu đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm :** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Hải T. Ông Nguyễn Hải T được ly hôn với bà Lê Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Hải T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Lê Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hải T yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với bà Lê Thị P. Yêu cầu giải quyết của đương sự là theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua bản tự khai, lời khai của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của bị đơn đều thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B ngày 13 tháng 4 năm 1994. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hải T và bà Lê Thị P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông T, bà P chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa nhau nên hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, phía nguyên đơn cho rằng bị đơn không về nhà sống cùng nhau, bị đơn khẳng định nguyên đơn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên cuộc sống chung giữa hai bên không còn tiếp diễn và cũng không thể tiếp tục duy trì hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hải T với bà Lê Thị P được nữa. Xét cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hải T.

Về con chung: Các con của bà P và ông T là Nguyễn Hải H sinh ngày 04/9/1994, Nguyễn Lê Anh T sinh ngày 05/3/2003 đều đã đủ 18 tuổi nên nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hải T và bà Lê Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Hải T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Hải T, ông Nguyễn Hải T được ly hôn với bà Lê Thị P.

Về án phí: Ông Nguyễn Hải T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0019629 ngày 09 tháng 6 năm 2022.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- UBND phường T, TP.BMT, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND P.Tân Tiến, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị My My

